

ĐẶC ĐIỂM PHÁT ÂM PHỤ ÂM [b], [d], [θ], [ð] CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM ĐANG THEO HỌC TIẾNG ANH Ở CÁC TRÌNH ĐỘ A1-A2-B1

NGUYỄN ĐĂNG NGUYẾT HƯƠNG*

Abstract: This paper focuses on investigating the pronunciation of 2 sets of English consonants ([b], [d] and [θ], [ð]) among 15 Vietnam National University students at different levels of English proficiency by using an experimental phonetic instrument. It turned out that students of A2 level had the closest pronunciation to that of native Americans. The result of this study can be used for second language teaching as well as phonetic research.

Key words: *phonetic interference, experimental phonetics, VNU students.*

1. Dẫn nhập

Ngày nay, học tiếng Anh đang ngày càng trở thành một nhu cầu cấp thiết, một xu thế mang tính thời đại. Trong quá trình bắt đầu học tiếng thì phát âm là một kỹ năng đặc biệt quan trọng và gây không ít khó khăn cho người Việt khi học tiếng Anh. Một số nghiên cứu đã chỉ ra các lỗi phát âm gây ảnh hưởng đến giao tiếp trong quá trình học tiếng như các nghiên cứu của Nguyễn Thiện Nam [11], Lê Thanh Hoà [5],... Sinh viên Việt Nam gặp một số khó khăn nhất định trong quá trình học, một phần là do sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh trên nhiều khía cạnh, trong đó có phát âm. Trong khi tiếng Anh thuộc loại hình ngôn ngữ biến hình, không có thanh điệu thì tiếng Việt lại thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, có thanh điệu. Khi đối chiếu tiếng Anh và tiếng Việt, chúng ta nhận ra có những âm có cả trong tiếng Anh và tiếng Việt nhưng lại có một số điểm khác biệt như âm [b] và âm [d]. Ngoài ra, cũng có những âm chỉ có trong tiếng Anh mà không xuất hiện trong tiếng Việt như âm [θ] và âm [ð]. Bài viết này khảo sát và đánh giá việc phát âm các trường hợp phụ âm [b], [d], [θ], [ð] của 15 sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, đang theo học tiếng Anh ở 3 trình độ A1 - A2 - B1 theo Khung tham chiếu châu Âu CEFR trong sự so sánh với phát âm của người bản ngữ (giọng bản ngữ được chọn là giọng Anh Mỹ thông dụng - General American). Các trình độ này tương đương với các học phần Tiếng Anh cơ sở 1, Tiếng Anh cơ sở 2 và Tiếng Anh cơ sở 3 đang được giảng dạy tại trường. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp ích cho việc phân tích lỗi và giảng dạy thực hành tiếng sau này.

Trong giảng dạy ngoại ngữ với tư cách dạy ngôn ngữ thứ hai, việc phát hiện lỗi và sửa lỗi đóng vai trò rất quan trọng. Corder S. P. [17, tr.163] là tác giả đầu tiên phân biệt khái niệm lỗi (error) và nhầm lẫn (mistake) một cách rõ ràng nhất. Qua đó, tác giả đã đưa ra một mô hình phân

* Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

tích lỗi gồm 5 bước: từ việc chọn dữ liệu phân tích, xác định lỗi, miêu tả lỗi, giải thích lỗi, đánh giá lỗi,... Lỗi phần lớn xảy ra do người học sử dụng kiến thức của tiếng mẹ đẻ vào ngôn ngữ mới nên nó là bằng chứng cho thấy sự hạn chế về khả năng sử dụng tiếng và chiến lược học tập của người học. Khi người học mắc lỗi, điều quan trọng là để họ tự phát hiện ra lỗi, so sánh và tìm được nguyên nhân mắc lỗi để có cách xử lý hiệu quả hơn. Đối với giáo viên dạy tiếng, lỗi cung cấp cho giáo viên những phản hồi về hiệu quả chương trình, giáo trình và phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá. Lỗi của người học là một trong những bằng chứng rất quan trọng cho thấy những điểm chưa hợp lý, cần điều chỉnh trong hoạt động dạy học. Nhờ có lỗi và việc phân tích lỗi, người dạy mới có thể thấy được nguyên nhân gây lỗi để từ đó tìm ra giải pháp giúp người học tự xử lý lỗi và vượt qua các khó khăn trong quá trình học tiếng.

Việc người Việt khi sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai có sự giao thoa về mặt ngữ âm (bao gồm giao thoa trong hệ thống nguyên âm, hệ thống phụ âm, vị trí và thứ tự) đã được đề cập đến trong nghiên cứu của John D. Miller [24, tr.195-202]. Nghiên cứu này chỉ ra những khó khăn của người Việt nói tiếng Anh, chủ yếu tập trung vào các âm [θ], [d] và [r] trong đó hai âm đầu tiên là khó nhất, cơ bản là do sự khác biệt về mặt ngữ âm học. Đây là lí do chúng tôi lựa chọn hai cặp âm [b] - [d] và [θ] - [ð].

2. Cơ sở lí thuyết

2.1. Sự khác biệt giữa cấu trúc âm tiết tiếng Anh và tiếng Việt - hiện tượng giao thoa ngữ âm

Rất nhiều những nghiên cứu đã chỉ ra sự tương đồng và khác biệt giữa cấu trúc âm tiết của tiếng Anh và tiếng Việt như các nghiên cứu của Lê Quang Thiêm [14, tr.115], Đoàn Thiện Thuật [15, tr.80].

Bảng 1. Cấu trúc âm tiết tiếng Việt [15, tr.80]

Thanh điệu			
Âm đầu	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối

Nếu tiếng Việt chủ yếu là các từ đơn tiết, do một âm tiết tạo thành, thì tiếng Anh lại có rất nhiều tổ hợp đa âm tiết, một từ có thể gồm một hay nhiều âm tiết. Cấu trúc âm tiết của ngôn ngữ này khá “lỏng lẻo, ranh giới âm tiết không rõ ràng, ngược với cấu trúc chặt chẽ, tầng bậc như tiếng Việt” [14, tr.114].

Bảng 2. Cấu trúc âm tiết tiếng Anh [18, tr.10]

Âm đầu (Onset)	Vần (Rhyme)	
	Nguyên âm (Nucleus)	Âm cuối (Coda)
CCC	V	CCCC

Về số lượng phụ âm trong tiếng Việt, Đoàn Thiện Thuật [15, tr.150] cho rằng tiếng Việt có 22 phụ âm, trong khi đó Đinh Lê Thu và Nguyễn Văn Huệ [16, tr.19], Vương Hữu Lễ và Hoàng Dũng [7, tr.22] lại có các ý kiến khác. Do chỉ tập trung vào âm đầu và âm cuối, chúng tôi sẽ không đề cập đến trường hợp âm đệm và bán âm. Cùng với các nghiên cứu của Đinh Lê Thu và Nguyễn Văn Huệ [16], để rõ ràng hơn, chúng tôi có bổ sung và chỉnh lí theo bảng sau:

Bảng 5. Hệ thống phụ âm đầu tiếng Việt [16]

Vị trí câu âm		Phương thức câu âm	Môi	Răng, lợi	Quạt lưỡi	Ngạc	Mạc	Thanh hầu
			Tắc	Vô thanh	+ bật hơi	p	t ^h	
- bật hơi		t			t̚	c	k	ʔ
	Hữu thanh		b	d				
Xát	Vô thanh		f	s	ʃ		ç	h
	Hữu thanh		v	z	ʒ		ʝ	
Vang	Mũi		m	n		ɲ	ŋ	
	Bên			l				

Về phụ âm ở cuối âm tiết, chúng tôi theo quan điểm của Đoàn Thiện Thuật [15], với 8 phụ âm cuối. Quan điểm này được hầu hết các nhà nghiên cứu đồng thuận như Lê Quang Thiêm [14, tr.101], Lê Thanh Hoà [5, tr.48],...

Bảng 6. Hệ thống phụ âm cuối tiếng Việt [15, tr.226]

Vị trí		Môi	Lưỡi	
			Đầu lưỡi	Cốc lưỡi
Ồn		p	t	k
Vang	Mũi	m	n	ŋ
	Không mũi	-w		-j

Việc lựa chọn bốn âm [b], [d], [θ], [ð] là dựa trên hai nguyên nhân: một là âm chỉ có trong tiếng Anh mà không có trong tiếng Việt ([θ], [ð]), và hai là những âm có sự tương đồng về mặt chữ viết nhưng có sự khác biệt về mặt âm học ([b], [d]). Trong tiếng Anh, phụ âm [b] là âm tắc, hai môi, hữu thanh; âm [d] là âm tắc, lợi hữu thanh. Âm [θ] là âm xát, răng, vô thanh, trong khi âm [ð] cũng có phát âm tương tự nhưng là âm hữu thanh. Cả bốn âm này đều có thể đứng ở đầu âm tiết hoặc cuối âm tiết. Âm [b] và [d] trong tiếng Việt tuy có tương đồng về mặt chữ viết nhưng hai âm này khác biệt về ngữ âm với hai âm của tiếng Anh. Trong hầu hết các giáo trình ngữ âm, các bài báo khoa học, hai phụ âm đầu [b] và [d] được các nhà nghiên cứu Việt ngữ học sử dụng hai kí hiệu IPA [b] và [d]. Điều này thể hiện quan điểm của các nhà nghiên cứu coi đây là âm tắc, hữu thanh, hai môi và tắc, hữu thanh, đầu lưỡi, thuộc cơ cấu luồng hơi phổi (pulmonic

airstream mechanism). Tuy nhiên, một số tác giả khác cho rằng trước hai phụ âm này còn có âm vị tắc thanh hầu [31, tr.72]; những nghiên cứu khác gọi đây là hiện tượng “tiền thanh quản hóa” (preglottalization). Kết hợp nhận định về tính chất “tiền tắc họng”, “tiền thanh hầu hóa”, “hút vào”... của các tác giả Nguyễn Văn Lợi & Edmonson [10, tr.1-18] và cảm nhận trực tiếp về sự dịch chuyển của thanh hầu khi phát âm, có thể đưa ra kết luận [b], [d] trong tiếng Việt là hai phụ âm tắc, hữu thanh, hút vào (implosive) thuộc cơ cấu luồng hơi thanh hầu (glottalic airstream mechanism) (kí hiệu IPA là [ɓ] và [ɗ] [12, tr.36]. Nghiên cứu này được sự ủng hộ của Andrea Phạm Hòa [1, tr.7-26] và Nguyễn Tài Thái và Phạm Hiền [13, tr.46-57] khi các tác giả thừa nhận hai phụ âm [ɓ] và [ɗ] thuộc cơ chế luồng hơi thanh hầu còn các phụ âm còn lại thuộc cơ chế luồng hơi phổi.

Với âm [θ], [ð] là hai âm không có trong tiếng Việt, việc sinh viên Việt Nam gặp khó khăn trong phát âm là điều có thể dự đoán trước. Trong nghiên cứu của nhiều nhà ngôn ngữ học, âm [ð] là phụ âm xát, răng, hữu thanh. Khi phát âm những âm tiết có phụ âm này ở vị trí đầu âm tiết, sinh viên có những phát âm sai chuẩn, bị phát âm thành các biến thể [dʔ] và [j-]. Trong khi đó, ở vị trí đầu âm tiết và cuối âm tiết, phụ âm [θ] thường được biến thành [tʰ-] hoặc [tʰ-] [5, tr.76].

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp

Phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu là sự tổng hợp của ba phương pháp khác nhau gồm có:

- *Phương pháp thực nghiệm khí cụ (experimental - instrumental)*: Phân tích các thông số âm học của phụ âm đầu - cuối bằng các chương trình phân tích tiếng nói chuyên biệt Praat (2018). Khảo sát ngữ âm và xây dựng cơ sở dữ liệu ngữ âm bằng: (a) Quan sát trực tiếp đặc điểm cấu âm và thụ cảm bằng tai, ghi âm ngữ âm học và âm vị học, ghi âm theo bảng hỏi; (b) Ghi âm các phát ngôn (utterance) là các âm tiết gồm phụ âm kết hợp với nguyên âm của 15 cộng tác viên (CTV). Các phát ngôn được ghi âm bằng máy ghi âm số ZOOM H2n Handy Recorder, sau đó xử lý số hoá bằng các chương trình Praat, Speech Analyser, theo cỡ mẫu 22.050 Hz, 16 bit, dưới dạng các file có định dạng .wav. Các thông số âm học của phụ âm được chúng tôi trích xuất từ các chương trình phân tích tiếng nói Praat, Speech Analyser.

- *Phương pháp phân tích và miêu tả ngữ âm - âm vị học*: Phân tích dựa trên mô tả các đặc điểm tương đồng và khác biệt về ngữ âm - âm vị học.

- *Phương pháp phân tích lỗi với thủ pháp thống kê so sánh*: Sử dụng 5 bước tổng hợp ngữ liệu phân tích, xác định lỗi, miêu tả lỗi, giải thích lỗi, đánh giá lỗi với thủ pháp thống kê so sánh.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của nghiên cứu là các đặc điểm phát âm các phụ âm [b], [d], [θ], [ð] ở vị trí đầu và cuối âm tiết khi kết hợp với nguyên âm có dạng chữ là *a* (âm là [eɪ] hoặc [æ]) của đối tượng là 15 sinh viên đang theo học tại các khoa khác nhau tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong số các sinh viên này có 5 em đã học học phần Tiếng Anh cơ sở 1 (tương đương với trình độ ngoại ngữ A1 theo Khung tham chiếu Châu Âu), 5 em đã học học phần Tiếng Anh cơ sở 2 (tương đương với trình độ ngoại ngữ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu), 5 em đã học học phần Tiếng Anh cơ sở 3 (tương đương

với trình độ ngoại ngữ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu). Mỗi học phần Tiếng Anh cơ sở kéo dài 75 tiết trên lớp với giáo viên tiếng Anh và 150 tiết tự học (tương đương với 5 tín chỉ).

Ngoài ra, hai phát âm bản ngữ được ghi âm là phát âm của một nghiệm viên nam và một nghiệm viên nữ người Mỹ ở California và Pennsylvania. Hai khu vực này đều có giọng Anh Mỹ thông dụng (General American) - được hiểu là giọng của người Mỹ từ khu vực Bắc Midland, Tây New England và khu vực miền tây nước Mỹ nói chung. Việc lựa chọn ngẫu nhiên hai nghiệm viên này là do tiếng Anh Mỹ tuy có biến thể vùng khác nhau nhưng vẫn có những đặc điểm tương đồng và phần lớn người sử dụng tiếng Anh trên toàn thế giới đều có thể nghe hiểu được.

3.3. Tư liệu nghiên cứu

- Tư liệu ghi âm bảng từ gồm 8 từ, là sự kết hợp của các phụ âm [b], [d], [θ], [ð] ở vị trí đầu và cuối với nguyên âm có dạng chữ là a (và âm là [eɪ] hoặc [æ]).

Bảng 7. Bảng từ thử nghiệm

	Vị trí đầu âm tiết	Vị trí cuối âm tiết
Âm [θ]	1. <i>thank</i>	2. <i>bath</i>
Âm [ð]	3. <i>that</i>	4. <i>bathe</i>
Âm [b]	5. <i>baby</i>	6. <i>cab</i>
Âm [d]	7. <i>day</i>	8. <i>mad</i>

- Tư liệu ghi âm dựa vào bảng điều tra đặc điểm phát âm phụ âm của 15 CTV. Danh sách CTV đang học các môn Tiếng Anh cơ sở (TACS) đã được mã hoá, trong đó nghiệm viên số 1 đến 5 đang học TACS2, nghiệm viên 6 đến 10 đang học TACS3 và nghiệm viên 11 đến 15 đang học TACS1.

- Tư liệu ghi âm phát âm phụ âm của 02 người bản ngữ bao gồm 1 nam 1 nữ, là người ở hai bang của Mỹ là California và Pennsylvania. Cả hai đều là giáo viên tiếng Anh tại Hà Nội.

- Với mỗi âm được lựa chọn, chúng tôi sử dụng máy ghi âm Zoom H2, xử lí số hoá định dạng .wav và yêu cầu các nghiệm viên phát âm 3 lần cho mỗi từ. Tổng cộng với mỗi âm ở vị trí đầu hoặc cuối sẽ có 45 phát âm. Các số liệu ở các bảng vì thế đều được tính với số lần phát âm là 45.

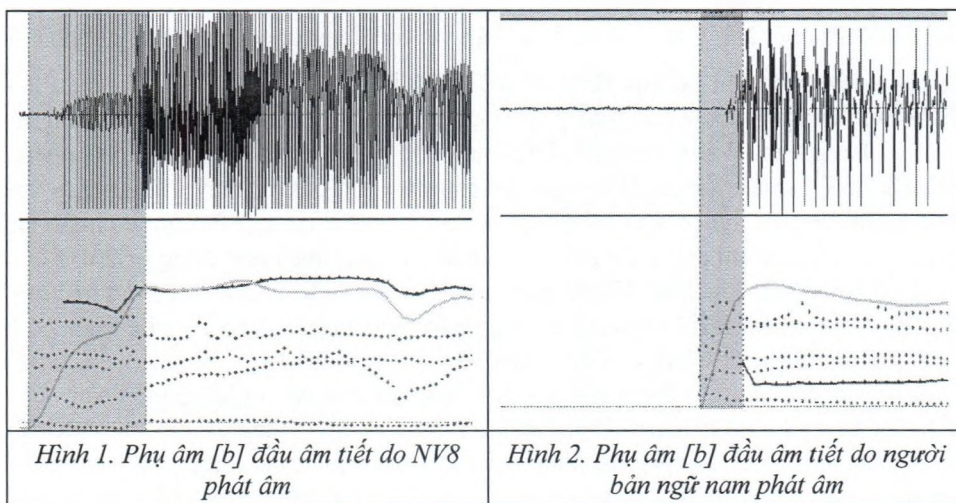
Các tệp .wav được ghi lại bởi H2N có thể là 16 hoặc 24 bit, với tỉ lệ lấy mẫu là 44,1kHz hoặc 96kHz và tự động đóng dấu thời gian, làm cho chúng phù hợp với định dạng dạng sóng (BWF - Broadcast Wave Format). Điều này đặc biệt quan trọng vì nó cho phép đồng bộ hoá chính xác trong quá trình xử lí tệp ghi âm sau này. Ngoài ra, máy ghi âm này vừa có khả năng ghi âm tốt, vừa có thể có khả năng loại bỏ tạp âm để đoạn ghi âm được chuẩn chỉnh hơn, do có tần số ghi nhận âm thanh (còn được gọi là tần số đáp ứng) dao động từ 20Hz đến 40kHz. Những tần số âm thanh lớn hơn 20kHz nằm ngoài khả năng nghe của tai người bình thường. Hơn thế nữa, máy ghi âm H2N này có 2 hướng nhận diện âm thanh (trái - phải) nên có khả năng ghi âm đa hướng, cho chất lượng ghi âm chân thật nhất có thể. Các nghiệm viên được mời vào phòng kín, xem trước bảng từ trước khi ghi âm. Khi ghi âm, các nghiệm viên cầm máy ghi âm có lớp bao bọc tiếng ồn để trước miệng, cách miệng khoảng 10 đến 20 cm, tạo góc 45 độ. Các nghiệm viên được lên lịch ghi âm tùy theo điều kiện thời gian và công việc. Mỗi nghiệm viên được đưa bảng từ trước khi ghi âm, và được yêu cầu phát âm một cách chậm rãi 03 lần với mỗi

từ đơn lẻ, trong điều kiện không gian tương đối yên tĩnh, đường nền tín hiệu âm thanh tương đối nhỏ, không ảnh hưởng đến thông số âm học tín hiệu âm thanh (nguyên âm, phụ âm), khi nghe lại hoặc phân tích bằng máy tính. Tác giả trực tiếp ngồi đối diện, quan sát nghiệm viên phát âm và ghi chép các thông tin về khẩu hình, biến thể lệch chuẩn (nếu có). Việc quan sát này đặc biệt quan trọng vì nhà nghiên cứu có thể nhận thấy khá rõ các phương thức cấu âm thể hiện trong từng phát âm. Khi kết thúc ghi âm, các nghiệm viên có thể được phỏng vấn thêm về quá trình học ngoại ngữ, các khó khăn trong phát âm phụ âm, v.v... với mục đích bổ sung thông tin và lí giải các nguyên nhân tạo nên các biến thể. Sau đó, các phát âm lại tiếp tục được nghe lại nhiều lần để kiểm tra, ghi lại các biến thể. Việc kết hợp quan sát trực tiếp và nghe lại nhiều lần sẽ giúp quyết định được độ phù hợp với chuẩn của các phát âm ở nghiệm viên.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Âm [b]

Về mặt chữ viết, âm [b] có hình thức thể hiện trên chữ viết giống nhau ở cả tiếng Anh và tiếng Việt. Tuy nhiên, do sự khác biệt về mặt âm học, việc phát âm âm này ở người Anh và người Việt lại có nhiều điểm khác biệt. Về vị trí cấu âm, phụ âm [b] trong tiếng Anh và tiếng Việt đều được thể hiện trong cách phát âm là âm hai môi. Về phương thức cấu âm, đây là phụ âm tắc, hữu thanh. Ví dụ: tiếng Anh: *boy* [bɔɪ] (con trai); tiếng Việt: *bi, bà*. Tuy nhiên, thực tế phát âm phụ âm [b] của các nghiệm viên cho thấy có sự khác biệt giữa phát âm của người nói tiếng Anh bản ngữ và người Việt nói tiếng Anh. Cụ thể, chúng ta có thể thấy rất rõ trong trường hợp của nghiệm viên người Việt số 8 (NV8). Về trường độ, NV8 phát âm phụ âm [b] có trường độ dài hơn (236ms) tính hữu thanh được nhận diện một cách rất rõ rệt. Trong khi đó, người bản ngữ phát âm phụ âm này ngắn hơn (160ms). Về cường độ, người bản ngữ phát âm phụ âm này có cường độ trung bình là 65 dB trong khi đó, nghiệm viên người Việt này khi phát âm âm [b] với cường độ cũng khá tương đồng, với cường độ cao hơn, trung bình là 71dB. Cường độ của sóng âm do phát âm của nghiệm viên người Việt cũng có sự gia tăng đều đặn và có sự lặp lại có chu kì của sóng âm. Nhìn vào hình ảnh thể hiện sóng âm, chúng ta có thể thấy rất rõ tính chất hút vào của âm [b] trong tiếng Việt, thể hiện ở sóng âm hình tam giác ở đầu âm tiết trong phát âm tiếng Anh của người Việt.



Kết quả nghiên cứu cho thấy so với giọng bản ngữ (Anh Mỹ) phát âm của nghiệm viên sinh viên người Việt có nhiều điểm lệch chuẩn. Khi đứng ở vị trí đầu âm tiết, chỉ có 22,2% số nghiệm viên (ở cả 3 lần phát âm) phát âm âm [b] giống với phát âm của người bản ngữ. Hầu hết âm [b] ở vị trí này được phát âm thành âm [β] trong tiếng Việt, chỉ có duy nhất 1 trường hợp được phát âm thành [p^h]. Xét về mặt âm vị học, tiếng Anh cũng như tiếng Việt đều có nhóm phụ âm tắc, hai môi và đối lập nhau theo tiêu chí vô thanh/ hữu thanh. Nhưng về mặt ngữ âm học, nhóm phụ âm này có nét khu biệt khác nhau. Khi phát âm, nhóm phụ âm [b-] và [d-] tiếng Anh có tính nổ (plosive), trong khi đó nhóm phụ âm [β-] và [d-] tiếng Việt có tính hút vào (implosive) [21]. Vì vậy, khi thụ đắc tiếng Anh, sinh viên có xu hướng cảm nhận và phát âm nhóm phụ âm tiếng Anh [b-] và [d-] thành những biến thể phụ âm lệch chuẩn.

Bảng 8. Phát âm âm [b] của sinh viên người Việt học tiếng Anh

Âm	Phát âm gần với chuẩn	Phát âm lệch chuẩn		
		Biến thể	Số lượng	Tỉ lệ %
[b] đầu âm tiết	10 (22,2%)	[β]	34	75,6%
		[p ^h]	1	2,2%
[b] cuối âm tiết	12 (26,7%)	không phát âm	23	51,1%
		[p]	5	11,2%
		[v]	1	2,2%
		[t]	2	4,4%
		[s]	2	4,4%

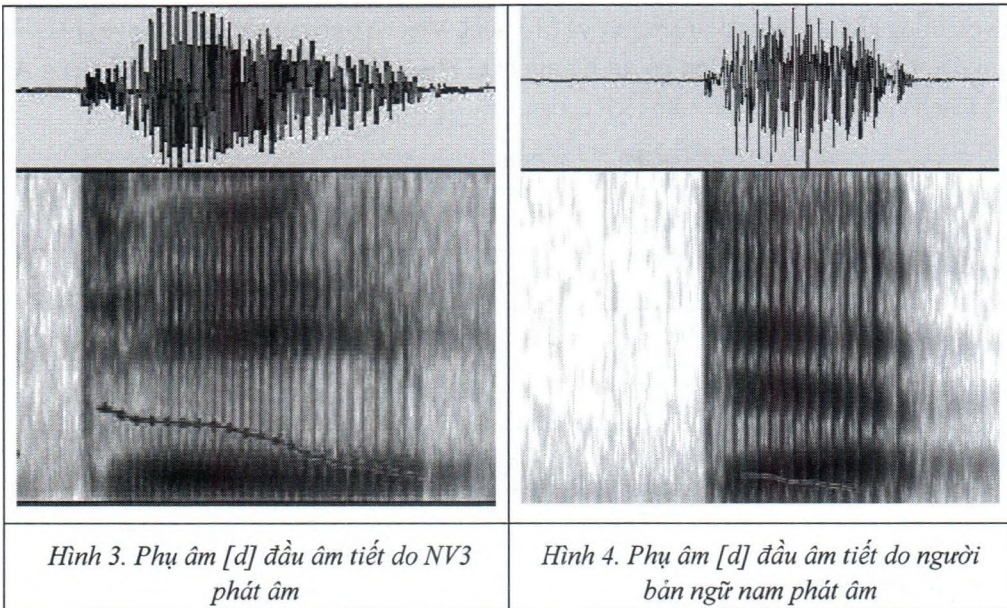
Ở vị trí cuối âm tiết, phát âm âm [b] cũng có tỉ lệ chuẩn gần tương tự (26,7%) nhưng các biến thể lệch chuẩn lại đa dạng hơn. Sinh viên gặp khó khăn hơn khi phát âm âm [b] ở vị trí cuối âm tiết nhất là với sinh viên TACS1 và TACS3. Trong 45 lần phát âm có 23 lần phát âm không có âm cuối, tương đương với 51,1%. Ở những lần phát âm sau, tần suất bỏ âm cuối [b] của sinh viên càng cao. Kết quả cho thấy có tới 11 trong số 15 nghiệm viên tham gia không phát âm âm cuối [b] ở lần phát âm thứ 3. Biến thể của âm này ở vị trí cuối âm tiết cũng đa dạng hơn, khi được phát âm thành âm [p] (11,2%), [v] (2,2%), [t] (4,4%) và [s] (4,4%).

4.2. Âm [d]

Về phương thức cấu âm, phụ âm [d] trong tiếng Việt và tiếng Anh được thể hiện trong cách phát âm là một âm tắc, hữu thanh. Về vị trí cấu âm đây là phụ âm lợi. Ví dụ: trong tiếng Anh có *day* [deɪ] (ngày), còn trong tiếng Việt có âm [d] trong *đi, đứng*.

Tương tự với âm [b], phát âm âm [d] được sinh viên người Việt học tiếng Anh phát âm với độ lệch chuẩn khá cao. Thực tế phát âm phụ âm [d] của các nghiệm viên cho thấy có sự khác biệt giữa phát âm của người nói tiếng Anh bản ngữ và người Việt nói tiếng Anh. Cụ thể, chúng

ta có thể thấy rất rõ trong trường hợp của nghiệm viên người Việt số 3 (NV3). Về trường độ, NV3 phát âm phụ âm [d] có trường độ dài hơn (204ms) tính hữu thanh được nhận diện một cách rất rõ rệt. Trong khi đó, người bản ngữ phát âm phụ âm này ngắn hơn (152ms). Về cường độ, người bản ngữ phát âm phụ âm này có cường độ trung bình là 63 dB trong khi đó, nghiệm viên người Việt này khi phát âm âm [d] với cường độ cũng khá tương đồng, với cường độ cao hơn, trung bình là 76dB. Cường độ của sóng âm do phát âm của nghiệm viên người Việt cũng có sự gia tăng đều đặn và có sự lặp lại có chu kì của sóng âm.



Nhìn vào hình ảnh thể hiện sóng âm, chúng ta có thể thấy rất rõ tính chất hút vào của âm [d] thể hiện ở sóng âm hình tam giác ở đầu âm tiết trong phát âm tiếng Anh của nghiệm viên người Việt.

Bảng 9. Phát âm âm [d] của sinh viên người Việt học tiếng Anh

Âm	Phát âm gần với chuẩn	Phát âm lệch chuẩn		
[d] đầu âm tiết	5 (11,2%)	[d]	40	88,8%
[d] cuối âm tiết	15 (33,3%)	không phát âm	17	37,8%
		[s]	8	17,7%
		[t]	5	11,2%

Kết quả nghiên cứu cho thấy, đối với các âm [d] ở đầu âm tiết, có 5/45 lần phát âm gần chuẩn, tương đương với 11,2%; có 40/45 lần phát âm lệch chuẩn thành âm [d], tương đương với 88,8%.

Đối với các âm [d] ở cuối âm tiết, có 15/45 lần phát âm gần chuẩn, tương đương với 33,3%. Trong khi đó, biến thể lệch chuẩn tồn tại dưới 3 trường hợp: (a) phổ biến nhất là không phát âm,

chiếm 17/45 lần phát âm, tương đương với 37,8%; (b) phát âm thành [s] với 8/45 lần phát âm, tương đương với 17,7%; (c) phát âm thành [t] có 5/45 lần phát âm, tương đương với 11,2%. Điều này cũng thể hiện thói quen của sinh viên Việt nói chung khi các em có 2 xu hướng: một là, không phát âm âm cuối; hai là, phát âm thành [s].

So với âm [b] [d] trong tiếng Anh, âm [b̥] [d̥] tiếng Việt có trường độ lớn hơn, cường độ của sóng âm gia tăng đều đặn và có sự lặp lại có tính chu kì của sóng âm. Những khác biệt này làm cho âm [b̥] [d̥] của tiếng Việt có tính thanh cao hơn. Trong thanh phổ (spectrogram) ta còn có thể nhận thấy đường biểu diễn tần số cơ bản (F0) và các vùng tần số tăng cường (formant) của nó [23, tr.84].

Mặc dù tiếng Việt không công nhận sự đối lập âm vị học theo tiêu chí nổ ra/ hút vào (plosives/ implosives), coi [b̥], [d̥] chỉ là tha âm vị (allophone) của [b], [d] nhưng vẫn phải minh định đặc điểm, tính chất của hai âm này, đồng thời trả lại cho chúng kí hiệu IPA chính xác để miêu tả đúng đắn những đặc điểm ngữ âm, âm vị học của các phụ âm đầu trong tiếng Việt. Đồng thời đây cũng là giải pháp góp phần chính xác hóa khi người Việt học ngoại ngữ cũng như khi dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

4.3. Âm [θ]

Phụ âm [θ] được thể hiện trong cách phát âm là một âm sát, răng, vô thanh. Ví dụ: *thin* [θɪn] (*gầy*), *bath* [baθ] (*tắm*). Trong khi đó, tiếng Việt nói chung hiện nay có phụ âm [tʰ] là phụ âm bật hơi thường hay bị nhầm lẫn với âm [θ] của tiếng Anh. Với các phát âm âm [θ] của người Việt, VOT trung bình của phụ âm đầu là 73ms, thể hiện rõ tính chất bật hơi của âm [tʰ] tiếng Việt. Cường độ phát âm của âm này cũng khá mạnh (trung bình là 77dB) so với các phát âm của người bản ngữ (68dB).

Nhóm nghiên viên là sinh viên theo học TACS2 vẫn là nhóm có phát âm gần với người bản ngữ nhất với trường hợp âm [θ] ở đầu âm tiết trong khi hai trường hợp còn lại phát âm thành âm [tʰ] và [t].

Bảng 10. Tỷ lệ phát âm chuẩn và lệch chuẩn với âm [θ]

Âm	Phát âm gần với chuẩn	Phát âm lệch chuẩn		
[θ] đầu âm tiết	10 (22,2%)	[tʰ]	32	71,2%
		[t]	3	6,6%
[θ] cuối âm tiết	7 (15,5%)	không phát âm	10	22,2%
		[tʰ]	15	33,3%
		[s]	6	13,5%
		[t]	7	15,5%

Kết quả nghiên cứu cho thấy, đối với âm [θ] ở vị trí đầu âm tiết, có 10/45 lần phát âm gần với chuẩn phát âm của người bản ngữ, tương đương 22,2%; Trong khi đó, phát âm lệch chuẩn

tồn tại dưới hai trường hợp: (a) phát âm thành âm [th] có 32/45 lần phát âm, tương đương với 71,2%; (b) phát âm thành âm [t] có 3/45 lần phát âm, tương đương với 6,6%.

Đối với các âm [θ] ở cuối âm tiết, có 7/45 lần phát âm gần với chuẩn, tương đương với 15,5%. Trong khi đó, biến thể lệch chuẩn tồn tại dưới bốn trường hợp: (a) không phát âm có 10/45 lần phát âm, tương đương với 22,2%; (b) phát âm thành [th] với 15/45 lần phát âm, tương đương với 33,3%; (c) phát âm thành [s] có 6/45 lần phát âm, tương đương với 13,5%; phát âm thành [t] có 7/45 lần phát âm, tương đương với 15,5%.

4.4. Âm [ð]

Phụ âm [ð]: Được thể hiện trong cách phát âm là một âm xát, răng, hữu thanh. Ví dụ: *this* [ðis] (cái này) hoặc *bathe* [beɪð]. Trường hợp âm này khi người Việt phát âm cũng hay bị nhầm với âm [t] hoặc [tʰ] là phụ âm bật hơi trong tiếng Việt. Với các phát âm âm [ð] của người Việt khi phát âm thành âm [t], VOT trung bình của phụ âm đầu là 21ms, thể hiện rõ tính chất phụ âm vô thanh do không có sự rung động nào trong suốt giai đoạn giữ. Sau điểm thoát, dây thanh bắt đầu rung động, và với khoảng thời gian khá ngắn này, lượng không khí thoát ra qua khe thanh trước khi dây thanh bắt đầu rung động không đáng kể, cho thấy tính chất không bật hơi của phụ âm này. Với các phát âm âm [ð] của người Việt khi phát âm thành âm [tʰ] tiếng Việt, VOT trung bình của phụ âm đầu là 75ms, là khoảng thời gian khá dài khe thanh mở sau điểm thoát của phụ âm nên chúng ta nghe được tiếng bật hơi. Cường độ phát âm của âm này cũng khá mạnh (trung bình là 76dB) so với các phát âm của người bản ngữ (69dB).

Trường hợp tương tự xảy ra với việc phát âm âm [ð] của sinh viên. Với hai âm không có trong tiếng Việt này, việc phát âm của sinh viên học tiếng Anh gặp nhiều vấn đề hơn so với trường hợp của hai âm [b], [d].

Bảng 11. Tỷ lệ phát âm chuẩn và lệch chuẩn với âm [ð]

Âm	Phát âm gần với chuẩn	Phát âm lệch chuẩn		
[ð] đầu âm tiết	5 (11,2%)	[j]	34	75,3%
		[d]	6	13,5%
[ð] cuối âm tiết	1 (2,2%)	không phát âm	3	6,6%
		[th]	28	62,2%
		[s]	6	13,5%
		[t]	7	15,5%

Kết quả nghiên cứu cho thấy, đối với âm [ð] ở vị trí đầu âm tiết, có 5/45 lần phát âm gần với chuẩn phát âm của người bản ngữ, tương đương 11,2%; Trong khi đó, phát âm lệch chuẩn tồn tại dưới hai trường hợp: (a) phát âm thành âm [j] có 34/45 lần phát âm, tương đương với 75,3%; (b) phát âm thành âm [d] có 6/45 lần phát âm, tương đương với 13,5%.

Đối với các âm [ð] ở cuối âm tiết, chỉ có duy nhất 1/45 lần phát âm gần với chuẩn, tương đương 2,2%. Trong khi đó, biến thể lệch chuẩn tồn tại dưới bốn trường hợp: (a) không phát âm có 3/45 lần phát âm, tương đương với 6,6%; (b) phát âm thành [th] với 28/45 lần phát âm, tương

đương với 62,2%; (c) phát âm thành [s] có 6/45 lần phát âm, tương đương với 13,5%; phát âm thành [t] có 7/45 lần phát âm, tương đương với 15,5%.

Với vị trí cuối âm tiết, chỉ duy nhất 1 em là NV11 đang học TACS3 không phát âm âm cuối (chiếm 6,6%). Nhìn chung, các sinh viên theo học cả ba học phần khi phát âm các âm [b], [d] (là các âm có chữ viết tương đồng trong cả hai hệ thống ngôn ngữ) và các âm [θ], [ð] (là các âm chỉ có trong tiếng Anh) đều có độ chuẩn so với bản ngữ là khá thấp.

Bảng 12. Phát âm âm [b] cuối âm tiết theo nhóm nghiệm viên

Phát âm	Trình độ tiếng Anh	Phát âm đúng chuẩn	Phát âm lệch chuẩn
[b] cuối âm tiết	TACS1	2/5 nghiệm viên	3/5 nghiệm viên
	TACS2	3/5 nghiệm viên	2/5 nghiệm viên
	TACS3	1/5 nghiệm viên	4/5 nghiệm viên

Với phát âm âm [b], chỉ 2 trong 5 nghiệm viên học TACS2 không phát âm âm [b] ở cuối âm tiết, trong khi 3/5 nghiệm viên TACS1 và 4/5 nghiệm viên TACS3 không phát âm âm cuối.

Bảng 13. Phát âm âm [d] cuối âm tiết theo nhóm nghiệm viên

Phát âm	Trình độ tiếng Anh	Phát âm đúng chuẩn	Phát âm lệch chuẩn
[d] cuối âm tiết	TACS1	1/5 nghiệm viên	4/5 nghiệm viên
	TACS2	2/5 nghiệm viên	3/5 nghiệm viên
	TACS3	0/5 nghiệm viên	5/5 nghiệm viên

Với phát âm âm [d], trong số 15 nghiệm viên, chỉ có 2 nghiệm viên có phát âm gần với phát âm chuẩn, đều là sinh viên TACS2. Trong 5 nghiệm viên TACS1 có 4 nghiệm viên không phát âm âm cuối [d] hoặc phát âm thành âm [t] hoặc [s] trong các lần phát âm. Ở nhóm nghiệm viên TACS3 không có sinh viên nào có phát âm gần chuẩn, với 4/5 nghiệm viên phát âm âm [d] ở vị trí cuối âm tiết thành [t] hoặc [s] và nghiệm viên còn lại không phát âm âm cuối.

Bảng 14. Phát âm âm [θ] theo nhóm nghiệm viên

Phát âm	Trình độ tiếng Anh	Phát âm đúng chuẩn	Phát âm lệch chuẩn
[θ] đầu âm tiết	TACS1	1/5 nghiệm viên	4/5 nghiệm viên
	TACS2	3/5 nghiệm viên	2/5 nghiệm viên
	TACS3	1/5 nghiệm viên	4/5 nghiệm viên
[θ] cuối âm tiết	TACS1	1/5 nghiệm viên	4/5 nghiệm viên
	TACS2	2/5 nghiệm viên	3/5 nghiệm viên
	TACS3	0/5 nghiệm viên	5/5 nghiệm viên

Nhóm nghiệm viên là sinh viên theo học TACS2 với trường hợp âm [θ] ở đầu âm tiết, có 3/5 em phát âm chuẩn trong khi hai trường hợp còn lại phát âm thành âm [th] và [t]. Có 4 trong số 15 nghiệm viên không phát âm âm này, và các biến thể của phát âm âm [θ] ở cuối âm tiết gồm có âm [th], [s], [t]. Có 3 em phát âm chuẩn âm ở vị trí cuối âm tiết, trong đó có 2 em TACS2 và 1 em TACS1. Toàn bộ 5 em học TACS3 đều phát âm không chính xác âm này.

Bảng 15. Phát âm âm [θ] đầu âm tiết theo nhóm nghiệm viên

Phát âm	Trình độ tiếng Anh	Phát âm đúng chuẩn	Phát âm lệch chuẩn
[θ] đầu âm tiết	TACS1	1/5 nghiệm viên	4/5 nghiệm viên
	TACS2	2/5 nghiệm viên	3/5 nghiệm viên
	TACS3	0/5 nghiệm viên	5/5 nghiệm viên

Với phát âm âm [θ], trong đó nhóm sinh viên TACS2 tuy không có nhiều phát âm chuẩn về âm [θ] ở vị trí đầu âm tiết nhưng vẫn là nhóm có tỉ lệ gần với chuẩn cao nhất với 2 nghiệm viên, trong khi nhóm TACS1 chỉ có một nghiệm viên phát âm đúng chuẩn (NV9).

Nhóm nghiệm viên là sinh viên học TACS2 là nhóm thực hiện tốt nhất trong phần ghi lại phát âm này. Điều này là do nhóm TACS1 tuy đã được học phát âm các âm đơn lẻ, nhưng có lẽ chưa đủ thời gian thực hành và trải nghiệm nên khi phát âm các nghiệm viên vẫn bị ảnh hưởng khá nhiều từ tiếng mẹ đẻ. Trong khi đó, nhóm TACS3 là nhóm đã qua các bài luyện tập âm khá lâu, và có trọng tâm học nghiêng nhiều về các yếu tố như ngữ điệu, luyện âm, nhấn âm mạnh âm yếu để đạt được thành quả về trọng âm câu (sentence stress). Vì lí do đó, nhóm TACS1 vẫn đôi khi có các trường hợp phát âm gần chuẩn, nhưng nhóm TACS2 mới là nhóm có độ chuẩn cao hơn hẳn về phát âm các từ đơn lẻ, trong khi nhóm TACS3 do không chú trọng khía cạnh này nên phát âm lệch chuẩn nhất so với hai nhóm còn lại. Điều này sẽ đặt ra những vấn đề và thách thức cho các giáo viên dạy tiếng khi giảng dạy về ngữ âm nên kết hợp ôn luyện lại các âm đơn lẻ trước khi cho sinh viên luyện tập ở cấp độ cao hơn.

Việc sinh viên ở cả ba cấp độ đều có hiện tượng bỏ âm cuối khi phát âm là một trong những giả thuyết đã được nhóm nghiên cứu đặt ra trước khi tiến hành. Thực ra đây là lỗi chuyển di tiêu cực, có thể thấy khá rõ ở Bảng 9, Bảng 10, Bảng 11. Do phụ âm cuối của tiếng Việt là các âm ngậm vào (unreleased - không có giai đoạn thoái đặc trưng như các phụ âm đầu) ([4], [3], [15],...), sinh viên ở cả 3 cấp độ học đều có xu hướng bỏ âm cuối. Trong một tình huống khác, sinh viên TACS1 và TACS3 còn có xu hướng thêm [s] vào thay cho tất cả các âm cuối. Điều này thể hiện sinh viên đã có ý thức được sự cần thiết của việc phát âm phụ âm cuối nhưng chưa phát âm được chính xác và các nghiệm viên thường thêm [s] là âm cuối họ coi là phổ biến nhất.

5. Kết luận

Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng nhóm sinh viên được khảo sát ở các trình độ A1, A2 và B1 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn vẫn chưa đạt được tỉ lệ tương đương chuẩn về phát âm ở mức cao so với phát âm bản ngữ. Việc sửa phát âm cho sinh viên là rất cấp

thiết để các em có được phát âm đúng sau này. Trong 3 nhóm sinh viên này, nhóm sinh viên khảo sát ở trình độ tiếng Anh A2 là sinh viên đạt độ gần chuẩn cao nhất; nhóm sinh viên khảo sát ở trình độ B1 là nhóm đối tượng ở trình độ cao nhất nhưng lại có độ lệch chuẩn cao nhất. Điều này cũng đưa ra yêu cầu giảng dạy cho các giáo viên không chỉ chú trọng vào các yếu tố phát âm câu mà cần chỉnh sửa cho học viên ở cấp độ từ đơn lẻ. Một số giải pháp trong việc sửa lỗi phát âm phụ âm [b], [d], [θ], [ð] cho sinh viên Việt Nam nói chung cũng được đưa ra, ví dụ như sử dụng những phần mềm chuyên dụng trong ngữ âm thực nghiệm (Praat, Speech Analyzer) để người học có thể nhận ra được rõ lỗi, so sánh với phát âm người bản ngữ để sửa lỗi. Vấn đề này cũng mở ra các hướng nghiên cứu tiếp theo của tác giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Phạm Hoà Andrea, *Sự biến âm trong văn tiếng Việt: thổ ngữ làng Hến, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh*, Ngôn ngữ, số 11, 2016.
2. Phạm Đăng Bình, *Khảo sát các lỗi giao thoa ngôn ngữ - văn hoá trong diễn ngôn của người Việt học tiếng Anh*, Luận án tiến sĩ, Viện Ngôn ngữ học, 2003.
3. Nguyễn Thiện Giáp & Đoàn Thiện Thuật, *Dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006.
4. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
5. Lê Thanh Hoà, *Lỗi phát âm tiếng Anh, trường hợp sinh viên Đại học Đồng Nai*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, 2017.
6. Nguyễn Huy Kỳ, *Ngữ điệu tiếng Anh đối với người Việt nói tiếng Anh*, Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2004.
7. Vương Hữu Lễ, Hoàng Dũng, *Giáo trình ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1994.
8. Nguyễn Văn Lợi, *Đặc điểm ngữ âm - âm vị học của phụ âm tắc, hữu thanh, thờ trong các ngôn ngữ ở Việt Nam và Đông Nam Á (trên bình diện đồng đại và lịch đại)*, Trong *Những vấn đề ngôn ngữ học*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004.
9. Nguyễn Văn Lợi, *Phục nguyên Hệ thống ngữ âm tiếng Việt thế kỉ XVII (Trên cơ sở Ditionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum (Từ điển Việt - Bồ Đào Nha - Latin) của Alechxandre de Rhodes)*, Từ điển học và Bách khoa thư, số 5 (7), 16-29, 2010.
10. Nguyễn Văn Lợi & Edmondson, J.A., *Tones and voice quality in modern northern Vietnamese: instrumental case studies*, Mon-Khmer Studies Vol. 28, 1-18, 1998.
11. Nguyễn Thiện Nam, *Khảo sát lỗi ngữ pháp tiếng Việt của người nước ngoài và những vấn đề liên quan*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001.
12. Tạ Thành Tấn, *Hệ thống ngữ âm thổ ngữ Phục Lễ, Thủy Nguyên, Hải Phòng*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội, 2014.
13. Nguyễn Tài Thái, Phạm Hiền, *Sự phân bố các biến thể của phụ âm đầu trong một số thổ ngữ ven biển Bắc bộ (trường hợp các thổ ngữ ven biển Quảng Ninh, Hải Phòng)*, Ngôn ngữ, số 1, 2018.
14. Lê Quang Thiêm, *Ngôn ngữ học đối chiếu*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2004.
15. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2007.
16. Đinh Lê Thư, Nguyễn Văn Huệ, *Cơ cấu ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.

Tiếng Anh

17. Corder, S. P., *Techniques in applied linguistics*, Oxford: Oxford University Press, 1974.

18. Daniel J. et all, *Cambridge English pronouncing dictionary*, Cambridge: Cambridge University Press, 2006.
19. Duong, T. N., *Mistake or Vietnamese English*, Hanoi: Vietnam National University, 2009.
20. Ha, C. T., *Common pronunciation problems of Vietnamese learners of English*, Journal of Science - Foreign Languages, 2005. Retrieved from: http://tapchi.vnu.edu.vn/Ngoaingu_1/Bai3.pdf, truy cập ngày 24 tháng 2 năm 2020.
21. Kirby, J. P., *Vietnamese (Hanoi Vietnamese)*, Journal of the International Phonetic Association, Cambridge, Cambridge University Press, 2011.
22. Ladefoged, P., *Elements of acoustic phonetics (second edition)*, London: University of Chicago Press, 1996.
23. Ladefoged, P., Johnson, K., *A course in phonetics*, Wadsworth, Cengage Learning, 2011.
24. Miller, J. D., *Types of phonic interference in Vietnamese speakers of English*, Mon Khmer Studies 5, pp. 195-202, 1976.
25. Ngo, N. B., *The Vietnamese learning framework - Part one: Linguistics*, COTSEAL Journal, 2005.
26. Nguyen, T. T. T., *Difficulties for Vietnamese when pronouncing English final consonants*, 2007. Retrieved from: <http://dalea.du.se/theses/archive/60dedb5e-7a86-4fc7-b127-09b0e99b853c/8256d175-9d1a-4a97-ae9b-fb15ba152a60.pdf> truy cập ngày 24 tháng 2 năm 2020.
27. Osburne, A.G., *Final cluster reduction in English L2 speech: A case study of a Vietnamese speaker*, Applied Linguistics 17(2), 164-181, 1996.
28. Roach, P., *English phonetics and phonology*, Cambridge: Cambridge University Press, 1991.
29. Sato, C. J., *Phonological processes in second language acquisition: Another look at interlanguage syllable structure*, Language Learning 34(4), 43-58, 1984.
30. Tang, Giang, *Cross-linguistic analysis of Vietnamese and English with implications for Vietnamese language acquisition and maintenance in the United States*, Journal of Southeast Asian American Education and Advancement. 2, 1-33, 2007.
31. Thompson, L. C., *A Vietnamese grammar (second edition)*, Honolulu/ Seattle: University of Hawaii press/ University of Washington press, 1987.